

## BÁO CÁO

### Tình hình và kết quả thực hiện Cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC năm 2019

#### A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2018

##### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

###### 1. Về kế hoạch Cải cách hành chính (CCHC)

Cuối năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2018 của huyện Kông Chro, với những mục tiêu cụ thể về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính.

###### 2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch CCHC năm 2018 thông qua ban hành các văn bản chỉ đạo sau:

- Kế hoạch số 20/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 về việc Kiểm tra công tác CCHC năm 2018.
- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2018 tại đơn vị mình trên cơ sở cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch CCHC huyện.
- Báo cáo Sở Nội vụ về tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2017 (Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 29/3/2018) và báo cáo giải trình về xác định Chỉ số CCHC năm 2018 (báo cáo số 199/BC-UBND ngày 09/6/2018).
- Báo cáo số 127/BC-UBND ngày 08/5/2018 báo cáo công tác cải cách hành chính (từ 01/01/2017 đến 31/3/2018).
- Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 01/8/2018 về khắc phục những hạn chế yếu kém trong công tác CCHC 2017-2018.
- Báo cáo việc thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức đối với các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn (Báo cáo số 236/BC-UBND ngày 26/7/2018).
- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 21/8/2018 về khắc phục hạn chế và cải thiện Chỉ số CCHC.

Phổ biến và quán triệt cho CBCCVC về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác Cải cách hành chính, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản liên quan đến công tác Cải cách hành chính của cấp trên, địa phương ban hành đến toàn thể CBCCVC được biết.

Tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn trong lãnh đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn huyện.

### 3. Về kiểm tra CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 20//KH-UBND ngày 07/3/2018 v/v kiểm tra công tác CCHC năm 2018. Trong Quý IV, Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp với Phòng Nội vụ huyện và các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính tại 8 xã, đồng thời kiểm tra tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn huyện (*Báo cáo số 206/BC-ĐKT ngày 14/11/2018 Tổng hợp kết quả kiểm tra công tác CCHC năm 2018 tại UBND các xã trên địa bàn huyện*).

### 4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Cuối năm 2017, Uỷ ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác Cải cách hành chính năm 2018 của huyện Kông Chro và hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Ngoài ra, huyện thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC dưới nhiều hình thức như phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị, cuộc họp, các văn bản chỉ đạo, lồng ghép với tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các buổi tiếp xúc cử tri, các buổi họp thôn làng, trên đài truyền thanh xã, các hoạt động biểu diễn lưu động tại các xã, thị trấn (với 122 buổi và 6.780 lượt người tham dự)... Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch công tác Cải cách hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2018, Kết quả chỉ số CCHC của cấp huyện năm 2017.

Trong quá trình tuyên truyền, khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tích cực tham gia công tác tuyên truyền thông qua hình thức kết hợp truyền thông với ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thông tin tuyên truyền nhằm mang hiệu quả cao hơn. Công dân, tổ chức, doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong tiếp xúc, giải quyết công việc với cơ quan hành chính. Tính minh bạch, công khai của nền hành chính được nâng lên, tạo được lòng tin trong nhân dân, sự đồng thuận của xã hội.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

#### ***1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL***

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát, quản lý, thống nhất việc xây dựng, thẩm định, ban hành, kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, đảm bảo tính pháp lý của các văn bản quản lý nhà nước; đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã không ngừng nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản và vận dụng để đơn giản hóa các TTHC.

Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện luôn chú trọng việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản trong tất cả các trình tự về soạn thảo, thu thập thông tin phản hồi, góp ý kiến bổ sung đến khâu kiểm tra, thẩm định, nên chất lượng và hiệu lực của văn bản mới ban hành được nâng lên rõ rệt. Rút ngắn thời gian tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, đảm bảo các văn bản khi được ban hành nếu có sai sót được phát hiện chỉnh sửa, bổ sung, thay thế kịp thời.

#### ***1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương***

Hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện được hoàn thiện hơn, thực hiện đúng đắn lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý nhà nước, khắc phục những thủ tục rườm rà, chồng chéo, đảm bảo giải quyết công việc được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

#### ***1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, địa phương***

##### **a) Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, địa phương.**

Việc xây dựng và ban hành các VBQPPL ở huyện đều tuân thủ quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2018, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

##### **b) Rà soát VBQPPL của cơ quan, địa phương.**

UBND huyện chỉ đạo cho Phòng Tư pháp tiến hành rà soát các văn bản QPPL đã ban hành và mới ban hành để phát hiện kịp thời những sai sót về thể thức, nội dung từ đó sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ cho phù hợp. Phòng Tư pháp đã tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, kèm Kế hoạch rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND-UBND trên địa bàn huyện năm 2018.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các VPQPPL tại cơ quan, địa phương.

Văn bản QPPL ban hành theo đúng quy định của pháp luật, Văn phòng HĐND&UBND huyện đã kịp thời sao lục và gửi đến các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn những văn bản do HĐND&UBND huyện ban hành và văn bản cấp trên có liên quan để phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Ngoài ra, Phòng Tư pháp tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, kèm Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra văn bản QPPL trên địa bàn huyện năm 2018 và tiến hành kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định của văn bản QPPL do HĐND&UBND cấp huyện, xã ban hành. Qua kiểm tra đã phát hiện 02 văn bản QPPL của cấp xã (xã An Trung) ban hành đều có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chủ yếu là vi phạm về hình thức ban hành văn bản, văn bản không chứa quy phạm pháp luật nhưng lại được ban hành dưới hình thức văn bản QPPL theo Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Phòng Tư pháp đã trực tiếp làm việc và hướng dẫn nghiệp vụ cho bộ phận chuyên môn của xã An Trung và đề nghị HĐND xã An Trung ban hành văn bản thay thế 02 văn bản QPPL đã ban hành sai thể thức ban hành văn bản.

## 2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

### 2.1. Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

Tiếp tục thực hiện Chương trình công tác CCHC nhà nước của Chính phủ theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020; Triển khai thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC và các văn bản chỉ đạo của tỉnh.

### 2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

#### a) Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương.

UBND huyện ban hành Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC trên địa bàn huyện năm 2018 và ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về chuyển công tác kiểm soát TTHC từ Phòng Tư pháp về Văn phòng HĐND&UBND huyện. Theo đó, kiện toàn

lại cán bộ làm công tác đầu mối cấp huyện, xã theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND huyện.

b) *Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính.*

Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo các đơn vị, địa phương trực thuộc thực hiện rà soát kiến nghị cấp có thẩm quyền loại bỏ những giấy tờ, thủ tục không cần thiết nhằm đơn giản hóa các TTHC cho người dân.

Việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 04/5/2018, chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, ban ngành thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện phổ biến thông tin, niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai.

c) *Về công khai Thủ tục hành chính.*

Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, thị trấn đã tiến hành niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của huyện theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Quy chế công bố công khai TTHC trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh và Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư Pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC. 100% TTHC được công khai trên Trang thông tin điện tử của huyện.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước**

#### **3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương**

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Hiện nay, toàn huyện có 13 phòng chuyên môn và 05 các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện luôn hoàn thành nhiệm vụ.

Công tác rà soát, quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện luôn được thực hiện theo quy định. Xác định rõ những chức năng, nhiệm vụ có tính tương đồng, gần nhau giữa các cơ quan để phân biệt rõ trách nhiệm quản lý của từng cơ quan, đơn vị, khắc phục hiện tượng chồng chéo, bỏ sót và giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị cũng đã xây dựng quy chế làm việc của cơ quan mình nhằm cải tiến chế độ làm việc, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính đối với công tác cải cách hành chính ở địa phương.

### **3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc**

Ủy ban nhân dân có những đợt kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND các xã, thị trấn để có cơ sở đánh giá xếp loại cuối năm và kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện sai phạm nếu có.

### **3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý**

Thực hiện phân cấp quản lý về nguồn nhân lực, về tài chính (khoán kinh phí chi tiêu cho các cơ quan, đơn vị). Mục tiêu cơ bản của việc phân cấp quản lý là phát huy dân chủ, nâng cao tính chủ động, năng động của các cấp quản lý gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn nhất định. Bên cạnh đó, phân cấp quản lý cũng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý hành chính, do đó việc phân cấp quản lý hoạt động hành chính là hết sức quan trọng và cần thiết.

### **3.4. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương**

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa lĩnh vực; tăng cường phân cấp và thực hiện trao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công về tổ chức thực hiện, nhân lực, tài chính... Từ đó có thể bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu của vị trí công tác; Sự can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công từng bước giảm dần, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, lao động, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ được giao, chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và có điều kiện tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

### **3.5. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

Việc thực hiện CCHC thông qua cơ chế “một cửa” tại Ủy ban nhân dân huyện đã được nâng cao về chất lượng và hiệu quả; thời gian giải quyết công việc trong lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng, kinh doanh nhanh hơn, phần lớn hồ sơ đều trả đúng hẹn, không gây phiền hà, tồn kém cho nhân dân; thông qua cơ chế “một cửa”, các thủ tục hành chính đã phần nào được đơn giản hóa, công khai hóa, mối quan hệ giữa cơ quan hành chính công quyền với người dân được cải thiện, từng bước thể hiện tính chất phục vụ dân, phục vụ xã hội của bộ máy hành chính Nhà nước, tạo được niềm tin trong nhân dân.

#### **\* Kết quả thực hiện:**

Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí công chức, viên chức làm việc chuyên trách tại Bộ phận “một cửa” của huyện.

Đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp làm công tác giải quyết hồ sơ cho người dân đã mẫu hóa đơn từ, biểu mẫu để hướng dẫn người dân thực hiện đúng trình tự quy định. Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã, các TTHC đã được cập nhật, niêm yết công khai đầy đủ, đặt tại nơi người dân dễ tiếp cận, tiện khai thác và sử dụng để tra cứu.

- Số cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ chế một cửa là: 07 đơn vị (Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên - Môi trường, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Công an, Bưu điện, Chi cục thuế, Kho bạc Nhà nước).

- Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai thực hiện cơ chế một cửa: 14/14 xã, thị trấn.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa: 93 TTHC ở cấp huyện và 154 TTHC cấp xã.

- Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: 43 thủ tục (thuộc lĩnh vực đất đai, môi trường, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng và cấp CMND).

- Số lượng hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong năm 2018 (tính đến 20/11/2018) là 2.247 hồ sơ.

Trong đó: + Đất đai: 2.084 hồ sơ (gồm: Đăng ký cấp mới GCN: 263 hồ sơ; cấp đổi, cấp lại GCN, chuyển nhượng, tặng cho, bổ sung TSGLVĐ: 413 hồ sơ; đăng ký biến động (chỉnh lý trang 4): 523 hồ sơ; đăng ký giao dịch bảo đảm: 818 hồ sơ; chuyển mục đích SĐĐ: 43 hồ sơ, cho thuê đất: 24 hồ sơ).

+ Xây dựng: 65 hồ sơ.

+ Đăng ký kinh doanh: 93 hồ sơ.

+ Internet: 05 hồ sơ.

Trong đó, đã giải quyết trước hạn, đúng hạn 2.098 hồ sơ; trễ hạn 93 hồ sơ; đang giải quyết 56 hồ sơ. 93 hồ sơ chậm trễ thời gian giải quyết (trong đó, năm 2017 chuyển qua 45 hồ sơ) do có yếu tố phức tạp về nguồn gốc thửa đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị.

- Hầu hết, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện đều không đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, diện tích... theo quy định của Chính phủ.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

##### **4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức**

Các cơ quan chuyên môn, đơn vị đã xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ, công chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu vị trí công tác, từ đó hiệu quả công việc được nâng cao rõ rệt.

##### **4.2. Về công chức cấp xã**

Tổng số cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính đến thời điểm 20/11/2018 có 481 người. Trong đó: Cán bộ: 141 người; Công chức: 151 người; Những người hoạt động không chuyên trách: 189 người.

+ Số Cán bộ đạt chuẩn là: 59/141 người, tỷ lệ: 41,8%; Công chức đạt chuẩn là: 149/151 người, tỷ lệ: 98,7%.

#### **4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức**

Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức luôn được thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và những quy định của tỉnh về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức... Hầu hết các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

#### **4.4. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức**

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, huyện, đặc biệt là quan tâm đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Kết quả cụ thể như sau:

##### **\* Cấp huyện:**

- + Cử 59 CCVC tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4 năm 2018.
- + Cử 01 CBCC tham gia lớp bồi dưỡng thanh tra viên chính.
- + Cử 02 CBCC tham gia lớp tập huấn về nghiên cứu và tham mưu chính sách trong nông nghiệp, nông thôn.
- + Cử 10 CBCC tham gia hội nghị tập huấn công tác quản lý nhà nước đối với đạo tin lành năm 2018. Cử 10 CBCC tham gia hội nghị phổ biến pháp luật về công tác tôn giáo.
- + Cử 02 Cán bộ tham gia hội nghị tập huấn công tác dân vận chính quyền năm 2018.
- + Cử 05 CBCC tham gia lớp tập huấn công tác CCHC năm 2018.

##### **\* Cấp xã:**

- + Cử 12 Chỉ huy trưởng và 02 Chỉ huy phó Ban CHQS cấp xã thực hiện chương trình tập huấn năm 2018.
- + Cử 10 cán bộ Chính trị viên Ban CHQS cấp xã thực hiện chương trình tập huấn năm 2018.
- + Cử 39 CBCC tham gia học lớp Trung cấp Lý luận chính trị năm 2018.
- + Cử 50 CBCC tham gia học lớp Bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước năm 2018.
- + Cử 15 CBCC tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch năm 2018.

+ Cử 04 Cán bộ tham gia bồi dưỡng chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã năm 2018.

+ Cử 03 Cán bộ tham gia bồi dưỡng chức danh Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã năm 2018.

+ Cử 05 Công chức tham gia bồi dưỡng chức danh Văn hóa- Xã hội năm 2018.

+ Cử 04 Công chức tham gia bồi dưỡng chức danh Văn phòng – Thông kê năm 2018.

+ Cử 05 CBCC tham gia bồi dưỡng kỹ năng văn hóa công sở, đạo đức công vụ và quy tắc ứng xử.

+ Cử 01 cán bộ tham gia tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

+ Cử 05 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng quản lý chỉ đạo điều hành và xử lý tình huống.

+ Cử 70 CBCC tham gia bồi dưỡng kiến thức An ninh Quốc phòng năm 2018.

+ Cử 22 CBCC tham gia lớp tập huấn công tác CCHC năm 2018.

#### **4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức**

Công tác quản lý cán bộ, công chức ngày càng được đổi mới hơn về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển, điều động... ngày càng dân chủ hơn, phát huy trách nhiệm tập thể trong công tác quản lý cán bộ, công chức.

Trong năm 2018 đã tuyển dụng 03 trường hợp, bổ nhiệm 20 trường hợp, điều động 302 trường hợp (trong đó, giáo viên 293 trường hợp).

#### **5. Cải cách tài chính công**

##### **5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội**

Triển khai và áp dụng kịp thời những chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công của Nhà nước, phổ biến những chủ trương, chính sách mới đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện. Ngoài ra, còn căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc để chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức, nhằm cải thiện được đời sống của cán bộ, công chức.

##### **5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập**

Cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập từng bước được đổi mới việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ là đúng hướng và đạt nhiều kết quả nổi bật. Từng bước giảm bớt sự can thiệp của cơ quan quản lý Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập; tạo điều kiện cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; tạo quyền tự chủ, chủ động cho đơn vị trong việc quản lý chi tiêu tài chính... tính đến nay, trên

địa bàn huyện có Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng được giao tự chủ về kinh phí hoạt động.

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130//2005/NĐ-CP của Chính phủ

- Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay có 100% các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện đã thực hiện, nhằm nâng cao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ quan hành chính trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, sử dụng ngân sách có hiệu quả. Tăng quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị sắp xếp tổ chức biên chế, sử dụng lao động và kinh phí, nâng cao năng suất, chất lượng công việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Việc thực hiện biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước quy định rõ nhiệm vụ, chức năng từng phòng ban, từng chức danh công chức, từ đó bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức vừa tinh giản được biên chế, vừa nâng cao được chất lượng, hiệu quả công tác. Các khoản chi công vụ như: công tác phí, điện, nước, nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện thoại, báo chí, sửa chữa nhỏ đã tiết kiệm nhiều so với trước.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, xác định nội dung chi, mức chi cụ thể trên cơ sở chế độ quy định nhằm triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức theo Nghị định 117/2013/NĐ-CP.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ

- Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: Giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Tuy nhiên, do đặc thù của huyện, kinh phí còn nhiều hạn chế nên đến nay chỉ có là Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thực hiện.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công và ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

### 5.3. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao tại cơ quan, địa phương

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa, nhất là trên lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, dân số, kế hoạch hóa gia đình, thể dục - thể thao... từng bước được các cấp chính quyền quan tâm, kêu gọi và huy động các nguồn lực để chăm lo cho sự phát triển của các lĩnh vực trên. Ngoài ra, tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; chất

lượng dịch vụ công từng bước được nâng cao, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế.

## **6. Hiện đại hóa hành chính**

### **6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước**

Cuối năm 2017, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 15/12/2017 về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước năm 2018 trên địa bàn huyện Kông Chro và kết quả hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện có kết nối mạng LAN, internet, để cập nhật thông tin và trao đổi dữ liệu trong quá trình công tác. 100% Cán bộ, CCVC đã sử dụng thư điện tử để nhận, gửi tài liệu; hầu hết các phòng ban chuyên môn thuộc huyện, các xã, thị trấn đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành; một cửa điện tử; áp dụng chữ ký số vào công việc..

### **6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính**

Hằng năm UBND huyện đã chỉ đạo thành lập đoàn đánh giá nội bộ; xây dựng, cải tiến, công bố phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện.

Hiện tại đã có 14/14 xã, thị trấn đã triển khai xây dựng, công bố phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Định kỳ đánh nội bộ theo quy định.

Thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đã giúp cán bộ, công chức của các cơ quan làm việc khoa học hơn, giải quyết công việc đạt kết quả một cách ổn định, nâng cao ý thức trách nhiệm và chủ động trong công việc.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những ưu điểm**

- Công tác CCHC năm qua có tiến bộ hơn đã đạt được những kết quả nhất định, Chỉ số CCHC năm 2017 tăng lên 6 bậc, giảm được thời gian, công sức để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức.

- Cơ quan hành chính nhà nước được tổ chức sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Dần khắc phục những chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị lẫn nhau nhờ thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước giữa các cơ quan chuyên môn.

- Trong lĩnh vực cải cách thể chế, việc thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế "một cửa" theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch được tiến hành rộng rãi tại cơ quan hành chính đã góp phần đổi mới cách thức, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính; tạo chuyển biến tích cực trong quan hệ giữa cơ quan hành chính với công dân và tổ chức; nâng cao kỹ năng nghiệp vụ hành chính, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính; giảm phiền hà, giảm thời gian hơn trước, được nhân dân quan tâm, ủng hộ.

- Các cơ quan xây dựng và ban hành Quy chế về tổ chức hoạt động, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan mình; Từng bước phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với sản xuất kinh doanh, chức năng quản lý hành chính với sự nghiệp.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, CCVC ngày càng được nâng lên, đặc biệt là trình độ chuyên môn, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính; khả năng xử lý, giải quyết công việc ngày một tốt hơn đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp có nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý quá hạn giảm đáng kể so với cùng kỳ. Việc áp dụng các quy trình tiếp nhận và trả kết quả qua bộ phận một cửa, một cửa liên thông được thực hiện đúng theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng chính phủ.

- Thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho cơ quan hành chính và một số đơn vị sự nghiệp, nhằm tạo cơ chế thông thoáng, chủ động cho đơn vị trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tăng trách nhiệm cho Thủ trưởng đơn vị; thực hành tiết kiệm, tăng thu nhập, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức.

- Cùng với cải tiến lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, đổi mới tác phong của cán bộ, công chức, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành góp phần chuyển biến tích cực, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của cơ quan hành chính nhà nước.

## **2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác Cải cách hành chính**

Ngoài những kết quả đạt được ở trên, công tác cải cách hành chính còn những tồn tại và hạn chế:

- Tại một số cơ quan, đơn vị công tác chỉ đạo điều hành của người đứng đầu chưa thật sự quyết liệt, chưa có những biện pháp đột phá mạnh mẽ trong công tác CCHC.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, đơn vị và đặc biệt trong giải quyết thủ tục hành chính còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được hiệu quả.

- Cơ sở vật chất và điều kiện làm việc tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được đảm bảo; cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện làm việc phục vụ cho công tác CCHC chưa được đầu tư đúng mức.

- Các TTHC thuộc lĩnh vực đất đai thường xuyên thay đổi, bổ sung gây khó khăn trong việc cập nhật, hiệu chỉnh cho phù hợp trên hệ thống một cửa điện tử.

- Nguồn kinh phí để triển khai thực hiện về công tác cải cách hành chính không có, hoặc quá ít để đạt được các mục tiêu cải cách hành chính hàng năm của huyện.

## B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM 2019

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn huyện và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời gian tới; Trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, UBND huyện xây dựng và ban hành kế hoạch Cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, kế hoạch kiểm soát TTHC, kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019; Triển khai thực hiện các kế hoạch, quy định của Tỉnh về công tác cải cách hành chính trong thời gian tới.
2. Kiểm tra, giám sát, tình hình thực hiện CCHC ở một số cơ quan và một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện.
3. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm soát TTHC và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định. Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước.
4. Thực hiện Tuyên truyền công tác CCHC theo kế hoạch đã xây dựng.
5. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế 1 cửa, cơ chế 1 cửa liên thông đảm bảo giải quyết công việc của công dân, tổ chức được nhanh chóng, thuận lợi.
6. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo tiêu chuẩn: trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hành chính, ngoại ngữ, tin học... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.
7. Nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ công chức cấp xã.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác Cải cách hành chính năm 2018 (tính đến 25/11/2018) và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC năm 2019 của huyện Kông Chro. *Nguyễn Văn*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- Lưu: VT-UB, NV

*Nguyễn Văn*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

*Chủ tịch*

*Phó Chủ tịch*



*Huỳnh Ngọc Ánh*



**Phụ lục 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH**

Tt	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/dơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1.	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018	19/12/2017	07	07	486/QĐ-UBND
2.	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2018	07/3/2018	04	04	20/KH-UBND
3.	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm của cơ quan, địa phương	19/12/2017	06	06	487/QĐ-UBND
4.	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của cơ quan, địa phương	28/12/2017	27	27	13 cơ quan chuyên môn và 14 xã, Thị trấn
5.	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc	26/02/2018	27	30%	13 cơ quan chuyên môn và 14 xã, Thị trấn
6.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, địa phương	05/9/2017	13	13	
7.	Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương	15/12/2017	4	4	98/KH-UBND



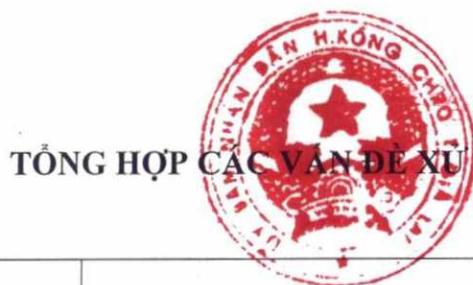
**Phụ lục 3  
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra			Ghi chú
			Theo cấp hành chính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
1	Cơ quan hành chính	27		13	14	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	5		5	-	
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập	0		-	-	

**Phụ lục 4  
SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

T T	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cơ quan, địa phương			-	-		
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở cơ quan, địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	247		93	154		
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	43		43	0		

\* **Ghi chú:** Những trường hợp được đánh dấu (-) là không thống kê



**Phụ lục 5**  
**TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ  
 CCHC**

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC			100%	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương	0	0	0	
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc	0			
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát VBQPPL thực hiện tại cơ quan, địa phương	0			
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VBQPPL tại cơ quan, địa phương	0		100 %	
6	Số quy định của chính phủ, của tinh về phân cấp được thực hiện ở cơ quan, địa phương			100 %	
7	Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, địa phương			100 %	
8	Số VBQPPL thực hiện tại cơ quan, địa phương được kiểm tra			100 %	
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	1	1	100%	

**Phụ lục 6**  
**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**  
*(đối với báo cáo của UBND cấp huyện)*

S T T	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức cấp xã	151	-	
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	208	71,2%	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	247	-	

\* **Ghi chú:** Những trường hợp được đánh dấu (-) là không thống kê



**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC**

T T	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1.	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	14			14	
2.	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	8			8	
3.	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	15		1	14	
4.	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động					
5.	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động					
6.	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	27		13	14	
7.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	7		7	-	
8.	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	13		13	-	
9.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	5		5	-	
10.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	18		18		
11.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	36		22	14	
12.	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ 130	13		13		
13.	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130	13		13		
14.	Cơ quan hành chính ban hành chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	13		13		
15.	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự	2		2	-	

	chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015			
16.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ			
17.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động			
18.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt để áp dụng đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115			-
19.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ			-
20.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động			-
21.	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	37	23	14
22.	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	13	13	-
23.	Số cơ quan, đơn vị có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	15	1	14
24.	Số cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ ISO	16	2	14
25.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	37	23	14
26.	Số cơ quan, đơn vị có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	15	1	14
27.	Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định		-	-
28.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại	15	1	14

\* **Ghi chú:** Những trường hợp được đánh dấu (-) là không thống kê



PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết của UBND huyện Kông Chro

Ký báo cáo: Quý IV/2018 (từ 01/9/2018 đến 20/11/2018)

(Kèm theo Báo cáo số: 384 /BC-UBND ngày 23/11/2018 của UBND huyện Kông Chro)

TT	Lĩnh vực/TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong Quý IV			Số hồ sơ giải quyết trong Quý IV									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó				
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong quý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi			
1	2	3 = 4 + 5 3 = 6 + 14	4	5	6 = 7 + 8	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 16 + 17	16	17	18	19	20	21	22	23	24 = 25 + 26 + 27	25	26	27	28	
	Tổng số	6319	85	6234	6259	6252	7					0	0		60	60	0							18066	17875	131	60	92
I	Cấp huyện	794	60	734	738	735	3				0	0		56	56	0								2247	2098	93	56	91
1	Lĩnh vực Xây dựng																											
a	Cấp GPXD nhà ở riêng lẻ ở đô thị	17	4	13	13	13	0		Phòng Kinh tế Huyện	Văn phòng HDND - UBND huyện	0	0		4	4	0								65	61	0	4	0
2	Lĩnh vực đăng ký Kinh doanh								Phòng Tài chính Kế hoạch	Văn phòng HDND - UBND huyện	0	0		0	0	0								93	93	0	0	0
3	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	3	0	3	3	3	0		Phòng Văn hóa Thông tin	Văn phòng HDND - UBND huyện	0	0		0	0	0							5	5	0	0	0	
4	Lĩnh vực Đất đai - Môi trường																											
4.1	Phòng TNMT																											
a	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	14	3	11	5	5	0		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chi cục thuế và Văn phòng Đăng ký Đất đai	0	0		9	9	0							43	32	2	9	2	
b	Thuê đất	8	1	7	4	3	1	Do Liên hệ với người dân nhiều lần mà không được	Phòng Tài nguyên và Môi trường		0	0		4	4	0							24	19	1	4	1	
4.2	Văn phòng Đăng ký đất đai																											
a	Đăng ký cấp mới GCN	90	27	63	75	73	2	Đo chấm kích hoạt trên hệ thống	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai		0	0		15	15	0							263	203	45	15	43	
b	Cấp đổi, cấp lại, chuyển nhượng, tặng cho, bổ sung TSGLVD	130	12	118	113	113	0		Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai	Chi cục thuế	0	0		17	17	0							413	376	20	17	20	
c	Đăng ký biến động (chỉnh lý trang 4)	240	13	227	233	233	0		Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai		0	0		7	7	0							523	511	5	7	5	
d	Đăng ký GDBD	265	0	265	265	265	0		Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai		0	0		0	0	0							818	798	20	0	20	
II	Cấp xã	5525	25	5500	5521	5517	4				0	0		4	4	0							15819	15777	38	4	1	
1	Lĩnh vực Địa chính Xây dựng	120	20	100	119	119	0		Công chức Địa chính- Xây dựng	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện	0	0		1	1	0						344	333	10	1	1		
2	Lĩnh vực Tư pháp Hộ tịch	4142	3	4139	4140	4136	4	- Thực tế đã tra hồ sơ đúng hạn nhưng quên kích chuyển trả trên hệ thống dẫn đến bao trễ trên hệ thống	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Văn phòng Thống kê	0	0		2	2	0							12386	12356	28	2	0	
3	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội và công công	14	2	12	13	13	0		Công chức Lao động TBXH	Văn phòng Thống kê	0	0		1	1	0						197	196	0	1	0		
4	Lĩnh vực Hộ khẩu-Công an	1196	0	1196	1196	1196	0		Công chức Công an	Văn phòng Thống kê	0	0		0	0	0						2721	2721	0	0	0		
5	Thc BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	53	0	53	53	53	0		Công chức Lao động TBXH	Văn phòng Thống kê	0	0		0	0	0						171	171	0	0	0		